TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Thanh Xuân

Ông Đặng Lễ Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị N, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hồ Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ đơn khởi kiện và các lời khai của bà Hồ Thị N thể hiện như sau: Bà và ông Nguyễn Văn U

tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 14/9/2007; quá trình chung sống với ông Nguyễn Văn U có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 11/11/2007 hiện do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông Nguyễn Văn U không quan tâm đến gia đình và vợ con, bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn U không thay đổi; bà và ông Nguyễn Văn U đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà Hồ Thị N xét thấy không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn U nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 11/11/2007, bà không yêu cầu ông Nguyễn Văn U cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không tranh chấp nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không tranh chấp nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn U có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai trình bày như sau: Ông có lời khai thống nhất với lời trình bày của bà Hồ Thị N về thời điểm chung sống, đăng ký kết hôn, về tài sản chung và về nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông Nguyễn Văn U cho rằng do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn tới thường xuyên cự cải chuyện sinh hoạt gia đình, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được và mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng không còn chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến nay; từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm và đã không còn liên lạc với nhau. Nay ông Nguyễn Văn U xét thấy không còn tình cảm với bà Hồ Thị N nên ông Nguyễn Văn U có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn U thống nhất ly hôn với bà Hồ Thị N.

Về con chung: Ông thống nhất giao con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 11/11/2007 cho bà Hồ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không tranh chấp nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không tranh chấp nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn U chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 14/9/2007 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Bà Hồ Thị N cho rằng do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông Nguyễn Văn U không quan tâm đến gia đình và vợ con; ông Nguyễn Văn U cho rằng do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn tới thường xuyên cự cải chuyện sinh hoạt gia đình, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Hồ Thị N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn U và ông Nguyễn Văn U cũng thống nhất ly hôn với bà Hồ Thị N, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị N, bà Hồ Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

Về con chung: Bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn U có ý kiến thống nhất khi ly hôn giao con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 11/11/2007 cho bà Hồ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ông Nguyễn Văn U không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn U, tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 11/11/2007 cho bà Hồ Thị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án thì bà Hồ Thị N không yêu cầu ông Nguyễn Văn U phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn U không tranh chấp, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc bà Hồ Thị N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn U tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Hồ Thị N và bị đơn ông Nguyễn Văn U có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn U theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn U chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân của bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn U là hôn nhân hợp pháp. Bà Hồ Thị N cho rằng nguyên nhân mâu thẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông Nguyễn Văn U không quan tâm đến gia đình và vợ con; ông Nguyễn Văn U cho rằng nguyên nhân mâu thẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn tới thường xuyên cự cải chuyện sinh hoạt gia đình, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Hồ Thị N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn U và ông Nguyễn Văn U cũng có ý kiến thống nhất ly hôn với bà Hồ Thị N nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị N, bà Hồ Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

[3] Về con chung: Bà Hồ Thị N có ý kiến yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 11/11/2007; ông Nguyễn Văn U cũng có ý kiến thống nhất giao con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 11/11/2007 cho bà Hồ Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; cháu Nguyễn Ngọc N cũng có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ là bà Hồ Thị N; ý kiến này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 11/11/2007 cho bà Hồ Thị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Hồ Thị N không tranh chấp, không yêu cầu ông Nguyễn Văn U cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn U khai không có, không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Hồ Thị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[8] Xét quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị N, cho bà Hồ Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

2. Về con chung: Chấp nhận ý kiến của bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn U. Giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 11/11/2007 cho bà Hồ Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; đây cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc N muốn được sống chung với mẹ là bà Hồ Thị N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hồ Thị N không tranh chấp, không yêu cầu ông Nguyễn Văn U cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn U khai không có, không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Hồ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017507 ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Bà Hồ Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Văn U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- UBND xã A, huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hữu Tính